

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 520/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố H.

2/ Ông Trần Hữu M, sinh năm 1986; Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển 01/2009, đăng ký ngày 19 tháng 9 năm 2009. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M xác nhận trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Trần Nhựt T, giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2010, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Trần Hữu M không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M tự khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển 01/2009, đăng ký ngày 19 tháng 9 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Nhựt T, giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2010, cả hai thỏa thuận giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Thu M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông Trần Hữu M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu M không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Trần Hữu M.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu M phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0013814 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thư ký Thơm).

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Bùi Viết Bình**